

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Giao thông vận tải;**
giao thông vận tải

Chuyên ngành: **Tổ chức và quản lý**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐỖ DUY ĐỈNH**

2. Ngày tháng năm sinh: 20/02/1981; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1612, tòa nhà Tây Hà, số 19 phố Tố Hữu, TDP 20, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ:

Đỗ Duy Đỉnh, Bộ môn Đường ô tô và Đường đô thị, Khoa Cầu đường, Phòng 517, Nhà A1, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội – Số 55, đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: -; Điện thoại di động: 0912719173; E-mail: dinhdd@huce.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2005 đến nay: Giảng viên tại Bộ môn Đường ô tô và Đường đô thị, Khoa Cầu đường, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;

- Từ năm 2010 đến năm 2013: Nghiên cứu sinh Tiến sỹ tại Đại học Saitama, Nhật Bản

- Từ năm 2015 đến năm 2020: Phó trưởng Bộ môn Đường ô tô và Đường đô thị, Khoa Cầu đường, Trường Đại học Xây dựng;

- Từ năm 2015 đến năm 2020: Trưởng phòng Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Xây dựng;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Chức vụ: Hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Xây dựng.

- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

- Địa chỉ cơ quan: Số 55, đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- Điện thoại cơ quan: 043.8691435

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: Chưa.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): -

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): -

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 4 năm 2004; số văn bằng: B541932; ngành: Xây dựng Cầu đường, chuyên ngành: Xây dựng Đường ô tô và Đường thành phố; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Xây dựng, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 11 năm 2008; số văn bằng: 1043 No.A044118 ; ngành: Xây dựng Cầu đường, chuyên ngành: Xây dựng Đường ô tô và Đường thành phố; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Xây dựng, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 9 năm 2013; số văn bằng: 925; ngành: Khoa học và Kỹ thuật, chuyên ngành: Khoa học và Kỹ thuật (Kỹ thuật hạ tầng và Khoa học môi trường); Nơi cấp bằng TS: Đại học Saitama, Nhật Bản..

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu các giải pháp thiết kế các yếu tố hình học đường và tổ chức giao thông nhằm nâng cao an toàn giao thông và cải thiện chất lượng của dòng xe.

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về tốc độ xe chạy và biện pháp ngăn ngừa hành vi chạy quá tốc độ trên đường ô tô.

- Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu phát triển cách tiếp cận hệ thống kỹ thuật - xã hội (social-technical system approach) trong an toàn giao thông đường bộ.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **24 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đang hướng dẫn **02 NCS** thực hiện đề tài luận án TS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 Đề tài cấp Bộ Giao thông vận tải, 01 Đề tài cấp Trường trọng điểm và 06 Đề tài cấp Trường với vai trò **Chủ nhiệm đề tài**.
- Đã công bố **39 bài báo khoa học**, trong đó **06** bài báo trên Tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (SSCI, SCIE, ESCI, Scopus); **02** bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ACI; **01** bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế; **24** bài báo đăng trên tạp chí khoa học uy tín trong nước; **06** bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế và trong nước (**01** bài báo thuộc danh mục Scopus).
- Số lượng sách đã xuất bản **02**, gồm 01 giáo trình (chủ biên) và 01 sách hướng dẫn (tham gia).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 14/12/2018 (theo Quyết định số 5378/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 27/12/2017 (theo Quyết định số 5811/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Giấy khen của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội ngày 28/12/2018 do đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ công tác được giao năm 2018.
- Danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm học: 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021.
- Giấy chứng nhận Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đạt 01 giải Nhì, năm học 2015-2016 theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHXD của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt;
- Có chuyên môn được đào tạo phù hợp;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng;
- Có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Theo nhiệm vụ:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nhà giáo về đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện tốt quy định của pháp luật và quy chế làm việc của nhà trường;
- Không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu;
- Tham gia giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ tiếng Anh.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 02 tháng.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017	-	-	5	18	518,5	-	518,5/818,4/67,5
2	2017-2018	1	1	6	9	413,5	90,0	503,5/886,2/67,5
3	2018-2019	-	-	2	14	370,3	-	370,3/536,9/67,5
4	2019-2020	-	-	7	17	546,2	60,0	606,2/998,9/67,5
03 năm học cuối								
5	2020-2021	-	-	-	8	395,5	13,5	409,0/518,3/270
6	2021-2022	-	-	1	9	420,5	30,0	450,5/601,9/270
7	2022-2023	-	-	1	10	414,2	-	414,2/549,9/270

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS ; tại nước: Nhật Bản năm 2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: -

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Đề án Thiết kế hình học và khảo sát thiết kế đường bộ (tiếng Anh), Hướng dẫn Đề án tốt nghiệp (tiếng Anh).

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Việt Nam, cho sinh viên các lớp Cầu đường Anh (CDE), Ngành Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông

- Chuyên ngành xây dựng Cầu đường.

d) Đối tượng khác

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Viết luận án TS bằng tiếng Anh, bảo vệ và nhận bằng Tiến sỹ tại Nhật Bản.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Chế Vũ Chí Thanh		x	x		4/2015 - 10/2015	Trường Đại học Xây dựng	29/02/2016
2	Đoàn Xuân Trường		x	x		4/2015 - 10/2015	Trường Đại học Xây dựng	29/02/2016
3	Phạm Quang Hải		x	x		3/2016 - 7/2016	Trường Đại học Xây dựng	23/01/2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
4	Đỗ Việt Bách		x	x		3/2016 - 7/2016	Trường Đại học Xây dựng	31/05/2017
5	Trần Việt Hùng		x	x		3/2016 - 7/2016	Trường Đại học Xây dựng	31/05/2017
6	Phạm Đình Cường		x	x		5/2016 - 10/2016	Trường Đại học Xây dựng	31/05/2017
7	Phạm Thành Công		x	x		5/2016 - 10/2016	Trường Đại học Xây dựng	23/01/2017
8	Ngô Đức Sáng		x	x		11/2016 - 4/2017	Trường Đại học Xây dựng	22/01/2018
9	Trần Quốc Toàn		x	x		11/2016 - 4/2017	Trường Đại học Xây dựng	22/01/2018
10	Phạm Minh Kha		x	x		11/2016 - 4/2017	Trường Đại học Xây dựng	22/01/2018
11	Phạm Văn Long		x	x		4/2017 - 10/2017	Trường Đại học Xây dựng	22/01/2018
12	Nguyễn Mạnh Toàn		x	x		4/2017 - 10/2017	Trường Đại học Xây dựng	22/01/2018
13	Nguyễn Đức Hóa		x	x		4/2017 - 10/2017	Trường Đại học Xây dựng	22/01/2018
14	Lê Tiến Dũng		x	x		01/2018 - 6/2018	Trường Đại học Xây dựng	15/08/2018
15	Nguyễn Đức Văn		x	x		01/2018 - 6/2018	Trường Đại học Xây dựng	21/01/2019
16	Hoàng Phạm Ngọc Thạch		x	x		6/2018 - 01/2019	Trường Đại học Xây dựng	03/12/2019
17	Nguyễn Hữu Bình		x	x		6/2018 - 01/2019	Trường Đại học Xây dựng	03/12/2019
18	Phạm Văn Tĩnh		x	x		6/2018 - 01/2019	Trường Đại học Xây dựng	03/12/2019
19	Nguyễn Minh Tuấn		x	x		6/2019 - 12/2019	Trường Đại học Xây dựng	19/06/2020
20	Nguyễn Văn Thành		x	x		6/2019 - 12/2019	Trường Đại học Xây dựng	19/06/2020
21	Đào Văn Hùng		x	x		6/2019 - 12/2019	Trường Đại học Xây dựng	19/06/2020
22	Vũ Đức Thiết		x	x		7/2019 - 01/2020	Trường Đại học Xây dựng	11/12/2020
23	Đỗ Việt Dũng		x	x		12/2020 - 5/2021	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	02/12/2021
24	Nguyễn Văn Chiến		x	x		10/2021 - 3/2022	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	04/10/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS (Trước 20.9.2013)						
1	-	-	-	-	-	-	-
II	Sau khi được công nhận TS (Từ 20.9.2013 đến nay)						
1	Hướng dẫn thiết kế hình học đường ô tô	HD	Nhà xuất bản Xây dựng, 2017 ISBN: 978-604-82-2200-0	6	Tham gia	Chương 1 từ trang 5 đến trang 21	01-Dinh/XN-ĐHXDHN
2	Kỹ thuật Giao thông cơ bản (Dùng cho sinh viên đại học)	GT	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2019 ISBN: 978-604-0-15134-6	2	Chủ biên	Chương 1, 2, 4, 5, 6. Từ trang 7 - 62 và từ trang 140-387	02-Dinh/XN-ĐHXDHN

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS (Trước 20.9.2013)				
1	Nghiên cứu các phương pháp tính toán khả năng thông hành của nút giao thông có tín hiệu đèn điều khiển	CN	43-2007/KHXD, Trường Đại học Xây dựng	2007	04/01/2008 Tốt
2	Nghiên cứu phương pháp lập mô hình dự báo tai nạn giao thông đường bộ	CN	34-2008/KHXD, Trường Đại học Xây dựng	2008	07/01/2019 Tốt
3	Nghiên cứu phương pháp điều tra thu thập số liệu tai nạn giao thông đường bộ	CN	23-2009/KHXD, Trường Đại học Xây dựng	2009	08/01/2010 Tốt
II	Sau khi được công nhận TS (Từ 20.9.2013 đến nay)				
1	Nghiên cứu chuyển tiếp mặt đường bê tông xi măng và bê tông nhựa	CN	28-2014/KHXD, Trường Đại học Xây dựng	2014	12/12/2014 Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao tính bền vững của công trình đường giao thông nông thôn khu vực miền núi phía Bắc trong điều kiện biến đổi khí hậu	CN	30-2015/KHXD, Trường Đại học Xây dựng	2015	22/12/2015 Tốt
3	Nghiên cứu phương pháp thiết lập tốc độ hạn chế cho các đường ô tô thông thường ngoài khu vực đô thị trong điều kiện Việt Nam	CN	111-2016/KHXD-TĐ, Trường Đại học Xây dựng	2016-2017	15/6/2017 Tốt
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số tốc độ và lưu lượng xe đến thiết kế chỗ vào đường ô tô cao tốc	CN	19-2017/KHXD, Trường Đại học Xây dựng	2017	13/12/2017 Tốt
5	Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá hiệu quả và các tác động khác của vạch sơn gờ giảm tốc độ trên các tuyến đường bộ ở Việt Nam	CN	DT184015, Bộ Giao thông vận tải	2018-2019	24/12/2019 Xếp loại KQ: Mức A

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TVC: Thành viên chính; TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (Trước 20.9.2013)							
1	Các phương pháp xác định điểm đen về tai nạn giao thông	3	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng			Số 3/2008, 77-82	03/2008
2	Khảo sát đánh giá tốc độ khai thác trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn từ Đà Nẵng đi Quảng Ngãi	4		Tạp chí Cầu đường Việt Nam			Số 3/2010, 33-39	03/2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
3	Khả năng chất tải của các nhóm xung đột theo phương pháp AKV-Verahren	3		Tạp chí Cầu đường Việt Nam			Số 4/2010, 53-57	04/2010
4	Nghiên cứu thực trạng và phương pháp xác định tải trọng khi thiết kế kết cấu áo đường trọng nút giao thông vòng đảo	3		Tạp chí Giao thông vận tải			Số 4/2010, 25-27	04/2010
5	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ khai thác trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn từ Đà Nẵng đi Quảng Ngãi	4		Tạp chí Cầu đường Việt Nam			Số 8/2010, 35-42	08/2010
6	Modeling Profile Speeds on Urban Residential Streets with a 30 km/h Speed Limit	2	x	Proceedings of JSCE 14 th International Summer Symposium, Japan Society of Civil Engineers ISSN: 1345-8507			119-120	09/2012
7	Profile-Speed Data-Based Models to Estimate Operating Speeds for Urban Residential Streets with a 30 km/h Speed Limit	2	x	IATSS Research ISSN: 03861112	ESCI/ Scopus (QI-Engineering, QII-Transportation) H Index = 36	53 (đến ngày 30/6/2023)	Vol. 36, pp. 115-122	06/2012
8	Drivers' Perceptions Regarding Speeding and Driving on Urban Residential Streets with a 30 km/h Speed Limit	2	x	IATSS Research ISSN: 03861112	ESCI/ Scopus (QI-Engineering, QII-Transportation)	29 (đến ngày 30/6/2023)	Vol. 37, pp. 30-38	12/2012

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
					H Index = 36	2023)		
	Speeding Behavior on Urban Residential Streets with a 30 km/h Speed Limit under the Framework of the Theory of Planned Behavior	2	x	Transport Policy ISSN: 0967-070X	SSCI (IF: 6.173, QI) H Index =113	55 (đến ngày 30/6/2023)	Vol. 29, pp. 199-208	07/2013
10	Perception of Traffic Safety and Its Relation to Residents' Frequency of Outdoor Activities	2	x	Transportation Research Board 92nd Annual Meeting Compendium of Papers. Washington, DC: Academic Press.			13-1106	01/2013
11	Modeling Operating Speeds on Residential Streets with a 30 km/h Speed Limit: Regression versus Neural Networks Approach	3	x	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies Online ISSN: 1881-1124 ISSN-L: 1341-8521		5 (đến ngày 30/6/2023)	Vol. 10, pp. 1650-1670	2013
II	Sau khi được công nhận TS (Từ 20.9.2013 đến nay)							
12	Introducing Speed Humps as a Countermeasure for Enhancing Traffic Safety in Urban Residential Areas: Some Insights from Experiments in Japan	3	x	Proceeding of International Symposium on New Technologies for Urban Safety of Mega Cities in Asia (USMCA2013) ISBN: 4-903661-64-4		1 (đến ngày 30/6/2023)	pp. 967-977	10/2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
13	Phân tích một số bất cập trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT và đề xuất các giải pháp khắc phục	3	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số đặc biệt năm 2015, 40-46	12/2015
14	Đánh giá tốc độ khai thác trên một số tuyến đường cao tốc và quốc lộ điển hình trong mạng lưới đường ô tô ở Việt Nam	3		Tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học và công nghệ Trường Đại học Xây dựng lần thứ 17 ISBN: 978-604-82-1982-6			Tập 1, 123-131	2016
15	Một cách tiếp cận cơ bản để giảm tai nạn giao thông đường bộ ở Việt Nam	2		Tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học và công nghệ Trường Đại học Xây dựng lần thứ 17 ISBN: 978-604-82-1982-6			Tập 1, 100-104	2016
16	Thiết kế độ dốc mái taluy nền đường và mặt cắt rãnh dọc giúp nâng cao an toàn khi xe đi trệch ra khỏi đường	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818			Số đặc biệt năm 2016, 71-75	12/2016
17	Áp dụng phương pháp xác định tốc độ hạn chế tối đa dựa trên các yếu tố kỹ thuật cho các đoạn đường ô tô trong điều kiện Việt Nam	3	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818			Số đặc biệt năm 2016, 82-86	12/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
18	Bước đầu đánh giá khả năng sử dụng làn vượt xe để nâng cao mức phục vụ cho đường ô tô hai làn xe ngoài đô thị	2	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng ISSN: 1859-2996			Số 30 (8-2016), 18-22	08/2016
19	Khắc phục một số bất cập đối với quy định về bố trí vạch sơn cấm vượt xe ở tìm đường trong phạm vi đường cong nằm	2	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng ISSN: 1859-2996			Số 30 (8-2016), 23-29	08/2016
20	An analysis of causes to damages for rural roads in the northern mountain region of Vietnam and an orientation to solutions	2	x	Journal of Science and Technology in Civil Engineering ISSN: 1859-2996 (English issue)			No. 31/(10-2016), 37-44	10/2016
21	Đề xuất phương pháp bố trí và xác định chiều dài lan can phòng hộ trên các đường ô tô ở Việt Nam	5	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818			Số 5/2017, 117-122	05/2017
22	Ảnh hưởng của các thông số tốc độ đến chiều dài thiết kế đoạn tăng tốc tại chỗ vào đường ô tô cao tốc	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818			Số 6/2017, 103-108	06/2017
23	Áp dụng phương pháp tính toán tầm nhìn yêu cầu tại các nút giao cùng mức xét đến loại hình điều khiển giao thông tại nút giao	3	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818			Số 10/2017, 120-125	10/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
24	Effects of higher maximum speed limits to vehicle speeds: A before - after analysis on rural divided highways in Viet Nam	3	x	Journal of Science and Technology in Civil Engineering ISSN: 1859-2996 (English issue)			Vol. 12, No.3 (4-2018), 132-137	04/2018
25	Nghiên cứu so sánh quy định về tầm nhìn yêu cầu tại các nút giao cùng mức giữa đường ô tô và đường sắt của Việt Nam với quy định của một số nước trên thế giới	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818			Số 4/2018, 108-112	04/2018
26	Đánh giá các yếu tố hình học liên quan đến an toàn giao thông của đường ngang tại các nút giao cùng mức giữa đường bộ và đường sắt trên địa bàn huyện Phú Xuyên, Hà Nội	2	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng ISSN: 2615-9058			12(4) (5-2018), 86-96	05/2018
27	Đánh giá hiệu quả giảm tốc độ của biện pháp sử dụng vạch sơn giảm tốc trên các đường ô tô ngoài đô thị ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818 e-ISSN: 2615-9791			Số 9/2019, 121-125	09/2019
28	Áp dụng cách tiếp cận hệ thống và kỹ thuật bản đồ tai nạn (AcciMap) trong phân tích nguyên nhân gây tai nạn giao thông ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818 e-ISSN: 2615-9791			Số đặc biệt, 12/2019, 46-53	12/2019
29	An application of direct method and ball-bank indicator method to determine	2	x	Journal of Science and Technology in			Vol. 14, No.1 (1-2020), 136-145	01/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	advisory speeds for horizontal curves in Vietnam			Civil Engineering ISSN: 1859-2996				
30	Examining the roles of multidimensional fatalism on traffic safety attitudes and pedestrian behaviour	5	x	Safety Science ISSN: 09257535	SCI (IF: 6.392, QI) H Index = 140	25 (đến ngày 30/6/2023)	Vol. 124, 104587	01/2020
31	Effect of attitudes towards traffic safety and risk perceptions on pedestrian behaviours in Vietnam	5	x	IATSS Research ISSN: 03861112	ESCI/ Scopus (QI-Engineering, QII-Transportation) H Index = 36	47 (đến ngày 30/6/2023)	Vol. 44 (2020), pp. 238-247	01/2020
32	Applying the Systems Theoretic Accident Model and Process to Analyze a Downgrade-Truck Collision Caused by a Brake Failure in Vietnam	5	x	Advances in Intelligent Systems and Computing Series ISSN: 2194-5357 ISBN: 978-3-030-50942-2	Scopus	2 (đến ngày 30/6/2023)	In: Stanton N. (eds) Advances in Human Aspects of Transportation. Series Volume 1212, 1-8	07/2020
33	Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá hiệu quả giảm tốc độ của một số mẫu vạch sơn giảm tốc trên các đường ô tô ngoài đô thị ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818 e-ISSN: 2615-9751			Số 05/2021, 149-154	05/2021
34	Đánh giá khả năng áp dụng của gờ giảm tốc dạng băng tại các nút giao cùng mức không có đèn tín hiệu điều khiển tại tỉnh Hải Dương, Việt Nam	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818 e-ISSN: 2615-9751			Số 06/2022, 53-57	06/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
35	Hành vi lái xe máy sau khi uống rượu bia ở Việt Nam: Mức độ và một số yếu tố ảnh hưởng	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818 e-ISSN: 2615-9751			Số 05/2023, 29-32	05/ 2023
36	Đề xuất một phương pháp mới để đo lường độ chậm trễ của dòng xe hỗn hợp tại các nút giao điều khiển bằng đèn tín hiệu	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 2354-0818 e-ISSN: 2615-9751			Số 06/2023, 35-38	06/ 2023
37	Factors influencing drink driving intention among motorcyclists in Vietnam	1	x	Traffic Injury Prevention Print ISSN: 1538-9588 Online ISSN: 1538-957X	SSCI/ SCIE (IF: 2.183, QI) H Index = 60		Vol. 24(6):445-451	06/ 2023
38	A systems-based approach to deeply examine a downgrade-truck crash caused by a brake failure in Vietnam	2	x	Journal of Science and Technology in Civil Engineering. ISSN: 1859-2996	Tạp chí danh mục ACI		Vol. 17 (2), pp. 154-167	06, 2023
39	A three-stage framework for efficient deployment of Intelligent Transportation Systems in urban areas	6		Journal of Science and Technology in Civil Engineering. ISSN: 1859-2996	Tạp chí danh mục ACI		Vol. 17 (2), pp. 47-61	06, 2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UVV là tác giả chính sau TS: **03** bài báo, số thứ tự **30, 31, 37**.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	-	-	-	-	-	-

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: -

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH được cấp bằng ThS bị thiếu: Không.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: -

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: -

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Đỗ Duy Đình